

Drag & Drop



bīng xiāng
冰箱

bīng xiāng mén
冰箱门

lěng dòng shì
冷冻室

lěng cáng shì
冷藏室

shàng céng
上层

xià céng
下层

bǎo xiān hé
保鲜盒

zhōng céng
中层